TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/KDTM-PT
Ngày: 08-6-2020
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn

Các thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Ông Trần Thanh Phong

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tám – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 36/2019/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2020/QĐ-PT ngày 27/02/2020, thông báo về việc sửa chữa, bổ sung quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/TB-TA ngày 04/3/2020, thông báo về việc tạm dừng phiên tòa xét xử phúc thẩm số 36/TB-TA ngày 12/3/2020, thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 08/TB-TA ngày 28/4/2020 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 13/2020/QĐ-PT ngày 13/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng H.

Địa chỉ: phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Đỗ Thị Thành Q-€ Chức vụ: Phó phòng giám sát nợ (theo Văn bản ủy

quyền ngày 02/7/2018).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1962.

Bà Nguyễn Thị Mai Ng, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số nhà 42, phố 7, ấp 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Thanh T: Luật gia Hồ Duy T- Hội luật gia tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Kim A, sinh năm 1993.

+ Anh Nguyễn Thanh Khải H, sinh năm 1994.

+ Chị Nguyễn Thị KV, sinh năm 1995.

+ Chị Nguyễn Thị TM, sinh năm 1996.

+ Chị Nguyễn AĐ, sinh năm 2005.

Cùng địa chỉ: Số nhà 42, phố 7, ấp 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

4. Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn MN, sinh năm: 1946.

Địa chỉ: Tổ 19, ấp Tín Nghĩa, xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Khu 4, ấp Suối Soong 2, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

5. Người kháng cáo:

+ Nguyên đơn Ngân hàng H.

+ Bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Mai Ng.

(Bà Q, ông T, bà Ng, luật gia T, ông Ng, bà T1 có mặt; những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng H có bà Đỗ Thị Thành Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA - Chi nhánh Long Khánh - Phòng giao dịch Đ (nay là Ngân hàng H - chi nhánh Đ) đã cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng vay tiền theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TD13/0036/DQU ngày 17/04/2013, khế ước vay tiền số 01-2013-TD13/0036/DQU ngày 17/04/2013 như sau:

- Số tiền vay: 1.200.000.000đ *(Một tỷ hai trăm triệu đồng).*

- Ngày vay: 17/04/2013.

- Thời hạn vay: 36 tháng.

- Lãi suất: 16,5%/ năm

Phương thức áp dụng: Lãi suất này vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau:

Lãi suất vay = lãi suất huy động 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ, bậc cao nhất (nếu có) của Đại Á Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 6,0% năm.

Lãi suất điều chỉnh trong mọi trường hợp không thấp hơn mức lãi suất cho vay thỏa thuận tối thiểu đối với khách hàng do Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA quy định tại thời điểm điều chỉnh.

Mục đích vay: Mua bất động sản canh tác nông nghiệp.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TD13/0036/DQU ngày 17/04/2013, khế ước vay tiền số 01-2013-TD13/0036/DQU ngày 17/04/2013 gồm:

- Bất động sản tại các thửa đất số: 15, 33, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 25, 26, 27, 29, 30, 509, 492, 493, 494, 503, 504, 505, 507, 508, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 525, 263, 268, 269, 270, 272, 273 tờ bản đồ số 18, 19, 27, 28 thuộc xã Phú Hòa, huyện Đtỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 656250, BC 656251, BC656252, BC 656253, BC 656254, BC 656255, BC 656256, BC 656257 do UBND huyện Đcấp ngày 02/12/2010.

- Bất động sản tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 22 tại ấp 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 656222 do UBND huyện Đcấp ngày 21/11/2010.

Các tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DQU13/0024/HĐBĐ ngày 17/04/2013.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, mặc dù Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông T và bà Ng trả nợ nhưng ông T và bà Ng vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng H. Tính đến ngày 06/9/2019 (ngày xét xử sơ thẩm), tổng số tiền mà ông T và bà Ng còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TD13/0036/DQU ngày 17/04/2013, khế ước vay tiền số 01-2013-TD13/0036/DQU ngày 17/04/2013 là 2.614.253.314 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 1.152.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 233.556.111đồng, nợ lãi quá hạn là 1.228.297.203 đồng.

Ngân hàng Ngân hàng H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng H theo hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 2.614.253.314 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 1.152.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 233.556.111 đồng, nợ lãi quá hạn 1.228.297.203 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng H từ ngày 06/9/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H, đề nghị Quý Tòa cho Ngân hàng yêu cầu Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng H, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của ông T và bà Ng đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông T và bà Ng tại Ngân hàng H thì ông T, bà Ng vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Đối với việc ông T, bà Ng cho rằng số tiền vay có liên quan đến bà Võ Thị Ngọc T2thì Ngân hàng H cho rằng ông T, bà Ng đã đứng ra ký hợp đồng Tín dụng trung - dài hạn số TA13/0036/QDU ngày 17/4/2013 chứ không liên quan đến bà Võ Thị Ngọc T2 nên Ngân hàng H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Theo án sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Vợ chồng ông bà có nợ bà Võ Thị Ngọc T2 số tiền 182.000.000 đồng, cụ thể bà T2 đưa cho vợ chồng ông bà lần thứ nhất số tiền 96.000.000 đồng, lần thứ hai số tiền 86.000.000 đồng, số tiền ông bà vay của bà T2 dùng để trả khoản vay cho Quỹ tín dụng ĐL. Sau đó, bà T2 đã sử dụng các diện tích đất đã nhận chuyển nhượng từ ông bà để thực hiện vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA. Ngày 11/4/2012, bà Tống Ngọc H đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA đã lập biên bản làm việc đối với bà Võ Thị Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị T1 có nội dung là ông đồng ý trả cho Ngân hàng ĐA số tiền 920.843.000 đồng mà không có ông tham dự. Ngày 17/4/2013, vợ chồng ông bà đã ký hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TD13/0035/DQU ngày 17/4/2013 với Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA để vay số tiền 1.200.000.000 đồng, vợ chồng ông bà đã ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, giấy nhận tiền và ủy nhiệm chi. Tuy nhiên, thực tế ông bà không nhận được bất cứ một khoản tiền nào do toàn bộ số tiền Ngân hàng ĐA đã tự tất toán số tiền mà vợ chồng ông bà vay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý thanh toán một lần số tiền 2.614.253.314 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 1.152.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 233.556.111 đồng, nợ lãi quá hạn 1.228.297.203 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ. Ông yêu cầu nguyên đơn làm rõ các khoản vay của bà T2 đã vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA và đối chiếu với khoản vay mà ông bà vay của bà T2.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim A, anh Nguyễn Thanh Khải H, chị Nguyễn Thị KV, chị Nguyễn Thị TM, chị Nguyễn AĐ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

Căn cứ các Điều 30, 35, 68, 147, 159, 184, 220, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 4, 91, 95 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng.

Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng trả cho Ngân hàng H tổng số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là 2.614.253.314đ (Hai tỷ sáu trăm mười bốn triệu hai trăm năm mươi ba ngàn ba trăm mười bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 1.152.400.000đ (Một tỷ một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng), nợ lãi trong hạn: 233.556.111đ (Hai trăm ba mươi ba triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn một trăm mười một đồng), nợ lãi quá hạn 1.228.297.203đ (Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm lẻ ba đồng).

Ngân hàng H phải trả lại cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 031655, BP 031654, BP 031653, BP 031652, BP 031651, BP 031650 ngày 22/8/2013 và Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 031612 ngày 22/8/2013 do UBND huyện Đcấp cho ông T và bà Ng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

+ Ngày 17/9/2019, nguyên đơn Ngân hàng H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DQU13/0024/HĐBĐ ngày 17/4/2013. Trường hợp ông T, bà Ng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị cho Ngân hàng yêu cầu thi hành án xử lý tài sản là các bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 031655, BP 031654, BP 031653, BP 031652, BP 031651, BP 031650 ngày 22/8/2013 và Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn

liền với đất số BP 031612 do UBND huyện Đcấp ngày 22/8/2013 cho ông T và bà Ng để phát mãi thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của ông T, bà Ng đối với Ngân hàng.

+ Ngày 20/9/2019, bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Mai Ng kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 1.152.400.000 đồng, tiền lãi trong hạn 233.556.111 đồng, tiền lãi quá hạn 1.228.297.203 đồng, tổng cộng là 2.614.253.314 đồng cùng tiền lãi phát sinh và xem xét lại phần án phí, chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa, người kháng cáo ông T, bà Ng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của luật gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Thanh T:

Cấp sơ thẩm đã thiếu sót trong việc đánh giá chứng cứ dẫn đến giải quyết vụ án không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà Ng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai theo hướng không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi, tổng cộng là 2.614.253.314 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn kháng cáo quá hạn, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã xét kháng cáo quá hạn và không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của nguyên đơn tại Quyết định số 02/2020/QĐ-PT ngày 13/01/2020 nên không xem xét.

- Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định và đúng quy định pháp luật nên được xem xét.

+ Về đường lối giải quyết:

Cấp sơ thẩm đã giải quyết tranh chấp, xử lý chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm phù hợp với quy định pháp luật, bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Mai Ng; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng H thuộc trường hợp kháng cáo quá hạn và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã xét kháng cáo quá hạn tại Quyết định số 02/2020/QĐ-PT ngày 13/01/2020, kết quả là không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của nguyên đơn nên không được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Mai Ng làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim A, anh Nguyễn Thanh Khải Hg, chị Nguyễn Thị KV, chị Nguyễn Thị TM, chị Nguyễn AĐ đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, đương sự trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[4] Về nội dung kháng cáo: Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc lãi là 2.614.253.314 đồng cùng tiền lãi phát sinh và xem xét lại phần án phí, chi phí tố tụng với lý do: Theo cam kết hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn ngân hàng ngày 01/11/2010, hợp đồng giao nhận tiền vay ngân hàng ngày 18/12/2010 thì vợ chồng ông T, bà Ng nợ bà Võ Thị Ngọc T2số tiền 395.000.000 đồng; Theo biên bản làm việc ngày 11/3/2011 với Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA có nội dung ông T có nguyên vọng tự thu xếp tài chính, thanh toán hết số tiền ông T nợ bà T2 và yêu cầu bà T2 giải chấp tài sản thế chấp tại Ngân hàng để hoàn trả lại cho ông T; Năm 2013 bị đơn có ký hợp đồng trung- dài hạn số TD13/0036/DQU ngày 17/04/2013, khế ước vay tiền số 01-2013-TD13/0036/DQU ngày 17/04/2013 với Ngân hàng ĐAnay là Ngân hàng H để vay số tiền 1.200.000.000 đồng nhưng bị đơn chưa nhận được khoản tiền nào từ hợp đồng nên bị đơn cho rằng Ngân hàng lừa dối để chiếm đoạt tiền vay của bị đơn.

Xét kháng cáo của bị đơn ông T, bà Ng: Qua chứng cứ tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Vào ngày 16/12/2010 bà Võ Thị Ngọc T2ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số CK10/0273/DQ (BL 300) với Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA- phòng giao dịch Đvay số tiền 800.000.000 đồng và tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay gồm các bất động sản theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 656250, BC 656251, BC656252, BC 656253, BC 656254, BC 656255, BC 656256, BC 656257 do UBND huyện Đcấp ngày 02/12/2010 cho bà T2 tại xã Phú Hòa, huyện Đvà bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 656284 do UBND huyện Đcấp ngày 02/12/2010 cho bà T2 tại xã P, huyện Đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T2 không thanh toán đầy đủ tiền vốn gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận của hợp đồng nên Ngân hàng mời bà T2 đến làm việc và được biết tài sản thế chấp cho Ngân hàng hiện ông T, bà Ng đang sử dụng nên Ngân hàng đã mời bà T2 với ông T, bà Ng để làm việc về số tiền bà T2 đã vay Ngân hàng cùng tài sản là các bất động sản mà bà T2 đã thế chấp cho Ngân hàng và có lập các biên bản làm việc vào các ngày 01/11/2010, ngày 18/12/2010 và ngày 11/3/2011 như bị đơn trình bày ở trên tại phiên tòa phúc thẩm nhưng sau đó các bên không thực hiện theo nội dung các biên bản trên.

Đến ngày 05/3/2013, ông T, bà Ng có đơn xin mua tài sản với nội dung xin mua lại tài sản là quyền sử dụng đất của Tuyết đang thế chấp tại Ngân hàng (BL 235); giấy đề nghị miễn giảm lãi ngày 05/3/2013 có nội dung ông T, bà Ng có nguyện vọng mua lại tài sản là quyền sử dụng đất của bà T2 nên xin Ngân hàng giảm lãi (BL 224); ngày 17/4/2013 giữa Ngân hàng và ông T, bà Ng ký kết hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số TD13/0036/DQU (BL 07); giấy nộp tiền ngày 17/4/2013, ông T nộp 50.000 đồng vào tài khoản 6759176 của ông T để mở tải khoản (BL 222); giấy nhận nợ số 01- 3013 - TD13/0036/DQU ngày 17/4/2013, ông T, bà Ng đề nghị Ngân hàng H giải ngân chuyển khoản 1.200.000.000 đồng vào số tài khoản 6759176 của ông T (BL 18); giấy đề nghị nhận tiền vay ngày 17/4/2013 có nội dung, đề nghị giải ngân chuyển khoản 1.200.000.000 đồng vào số tài khoản 6759176 của ông T (BL 215- 216); phiếu giải ngân chuyển khoản của Ngân hàng cho Tú số tiền 1.200.000.000 đồng ngày 17/4/2013 (BL 219); giấy lĩnh tiền ngày 17/4/2013 có nội dung ông T rút tiền từ số tài khoản 6759176 của ông T 1.200.000.000 đồng (BL 220); phiếu thu tiền vay ngày 17/4/2013 có nội dung thu tất toán hợp đồng tín dụng số HD10/0273/DQ của bà Võ Thị Ngọc T2(BL 221).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận trực tiếp ký tên trong các giấy tờ trên, từ đó cho thấy, đến thời điểm ngày 17/4/2013, hợp đồng tín dụng ngắn hạn số CK10/0273/DQ ngày 16/12/2010 ký kết giữa bà T2 với Ngân hàng đã được tất toán xong và giữa ông T, bà Ng với Ngân hàng đã ký kết hợp đồng mới là hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số TD13/0036/DQU ngày 17/4/2013 nên các biên bản làm việc trước đó giữa Ngân hàng với bà T2 và ông T, bà Ng để giải quyết việc vay vốn của bà T2 theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số CK10/0273/DQ ngày 16/12/2010 không còn giá trị pháp lý đối với hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số TD13/0036/DQU ngày 17/4/2013.

Đối với việc nhận số tiền vay 1.200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số TD13/0036/DQU ngày 17/4/2013 thì ngày 17/4/2013 bị đơn có giấy đề nghị nhận tiền vay với nội dung đề nghị giải ngân chuyển khoản 1.200.000.000 đồng vào số tài khoản 6759176 của bị đơn, Ngân hàng đã giải

ngân chuyển khoản theo yêu cầu của bị đơn tại phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 17/4/2013, bị đơn đã ký giấy lĩnh tiền để rút số tiền 1.200.000.000 đồng từ số tài khoản 6759176 của bị đơn để tất toán hợp đồng tín dụng số HD10/0273/DQ ngày 16/12/2010 của bà T2 tại phiếu thu tiền vay ngày 17/4/2013. Như vậy, số tiền bị đơn vay của Ngân hàng đã được dùng vào việc tất toán hợp đồng tín dụng số HD10/0273/DQ ngày 16/12/2010 để bị đơn mua lại tài sản là các quyền sử dụng đất của bà T2 đang thế chấp tại Ngân hàng thông qua Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản- Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA được bà T2 ủy quyền tại hợp đồng ủy quyền ngày 18/10/2012, Văn phòng công chứng Sài Gòn công chứng số 049406, quyển số 10 TP/CC-SCC/HĐGD (BL 225- 229). Các bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Phòng công chứng số 02 công chứng ngày 29 và 30/5/2013 (BL 285, 286, 288- 290) và đã thực hiện chuyển quyền xong sang bị đơn đứng tên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 031655, BP 031654, BP 031653, BP 031652, BP 031651, BP 031650, BP 031612 do UBND huyện Đcấp ngày 22/8/2013. Như vậy, đến thời điểm ngày 30/5/2013 bà T2 không còn quyền và nghĩa vụ gì đối với hợp đồng tín dụng ngắn hạn số CK10/0273/DQ ngày 16/12/2010 được ký kết giữa Ngân hàng với bà T2 và các quyền sử dụng đất mà bà T2 đã thế chấp tại Ngân hàng. Mặt khác tại biên bản làm việc ngày 05/4/2016 bị đơn xác nhận khoản nợ bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 31/3/1016 là 1.793.472.147 đồng và cam kết trả nợ gốc 600.000.000 đồng trước ngày 31/12/2016, đề nghị Ngân hàng xem xét giảm lãi quá hạn, để có điều kiện trả nợ (BL 213). Từ những chứng cứ trên cho thấy bị đơn đã ký hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số TD13/0036/DQU ngày 17/4/2013 với Ngân hàng H và đã nhận tiền vay, do đó bị đơn cho rằng có ký hợp đồng trung- dài hạn số TD13/0036/DQU ngày 17/04/2013 với Ngân hàng để vay số tiền 1.200.000.000 đồng nhưng chưa nhận được khoản tiền nào từ hợp đồng là không có căn cứ.

Từ những chứng cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng trung- dài hạn số TD13/0036/DQU ngày 17/04/2013 được ký kết giữa Ngân hàng H với bị đơn và xác định bị đơn vi phạm hợp đồng nên xử buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi 2.614.253.314 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và Ngân hàng H đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm buộc ông T, bà Ng phải thanh toán lại số tiền này cho Ngân hàng H là có cơ sở.

[6] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng phải chịu 72.000.000đ + (2% x 614.253.314đ) = 84.285.000đ (đã làm tròn số) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 40.811.000 đồng theo biên lai số 005614 ngày 13/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T, bà Ng không được chấp nhận nên ông T, bà Ng phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

Đối với nghĩa vụ chịu lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng, Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi chậm trả.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm đã giải quyết tranh chấp, xử lý chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm phù hợp với quy định pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm.

+ Xét đề nghị của luật gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thanh T không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

+ Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ các Điều 30, 35, 68, 147, 184, 220, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 4, 91, 95 và 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng.

Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng H tổng số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là 2.614.253.314đ (Hai tỷ sáu trăm mười bốn triệu hai trăm năm mươi ba ngàn ba trăm mười bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 1.152.400.000đ (Một tỷ một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng), nợ lãi trong hạn: 233.556.111đ (Hai trăm ba mươi ba triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn một trăm mười một đồng), nợ lãi quá hạn 1.228.297.203đ (Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm lẻ ba đồng).

Ngân hàng H phải trả lại cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai Ng bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 031655, BP 031654, BP 031653, BP 031652, BP 031651, BP 031650 ngày 22/8/2013 và Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 031612 ngày 22/8/2013 do UBND huyện Đcấp cho ông T, bà Ng.

+ Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Mai Ng phải chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng H đã nộp tạm ứng nên ông T, bà Ng phải hoàn trả lại cho Ngân hàng H số tiền này.

+ Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông T và bà Ng phải chịu 84.285.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 40.811.000 đồng theo biên lai số 005614 ngày 13/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông T, bà Ng phải chịu 4.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002609 ngày 03/10/2019 và số 0002642 ngày 25/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Ông T, bà Ng đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc

điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Toàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Quý **Trần Thanh Phong** **Võ Văn Toàn**

Nơi nhận:
- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu.

Võ Văn Toàn